

Bản án số: 113/2024/DS-ST

Ngày 13 - 5- 2024

V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng

Ông Châu Trung Trực

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Đệ là thư ký Tòa án nhân D huyện Đàm D.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân D huyện Đàm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án D sự thụ lý số: 150/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị M (Nguyễn Hồng M), sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Ấp Tân H, xã Tân D, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. **Bị đơn:**

2.1. Bà Nguyễn Mỹ N, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Ấp Tân H, xã Tân D, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2.2. Ông Trương Thanh T, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Ấp Tân H, xã Tân D, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn kiện và lời trình bày của chị M trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Anh T và chị N có tham gia gụi do chị N làm chủ, dây hui mở ngày 30/8/2022, loại hui 1.000.000 đồng, tháng khai 2 lần, anh T và chị N tham gia 4 phần, quá trình tham gia hui anh T và chị N đã hốt hết hui, số tiền hui chết còn

nợ là 18.000.000 đồng, hui này đến nay đã mãn. Nay chị M yêu cầu anh T và chị N trả số tiền hui 18.000.000 đồng.

** Quá trình giải quyết vụ án anh Trương Thanh T trình bày:* Anh thừa nhận có tham gia hui như chị M trình bày. Hiện tại anh và vợ anh là chị Nguyễn Mỹ N có xảy ra mâu thuẫn nên chị N bỏ nhà đi. Anh đồng ý cùng chị N có nghĩa vụ trả cho chị M số tiền hui còn nợ là 18.000.000 đồng.

** Đối với chị Nguyễn Mỹ N:* Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị M nhưng chị N không có ý kiến gì và cũng không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Trương Thanh T và chị Nguyễn Mỹ N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng D sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị M khởi kiện yêu cầu anh T và chị N trả số tiền hui nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp hui, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng D sự.

[2] Về nội dung: Chị M khởi kiện yêu cầu anh T và chị N trả số tiền hui chết là 18.000.000 đồng. Thấy rằng, theo danh sách hui viên đối với dây hui nêu trên có thể hiện chị T là hui viên, tham gia 04 phần hui trong dây hui nêu trên. Quá trình tham gia hui anh T và chị N đã lần lượt hót hui. Sau khi hót hui thì anh T và chị N đóng hui không đầy đủ, còn nợ lại số tiền hui chết là 18.000.000 đồng.

Đối với chị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để biết được yêu cầu khởi kiện của chị M, nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án. Anh T thừa nhận còn nợ chị M số tiền hui nêu trên và đồng ý trả. Như vậy, nội dung và yêu cầu khởi kiện của chị M thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng D sự. Do đó, buộc anh T và chị N có nghĩa vụ trả cho chị M số tiền hui 18.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Về án phí D sự: Chị Nguyễn Thị M không phải chịu; anh Trương Thanh T và chị Nguyễn Mỹ N phải chịu 900.000 đồng ($18.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 900.000 \text{ đồng}$).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 92, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng D sự; Điều 471 của Bộ luật D sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M. Buộc anh Trương Thanh T và chị Nguyễn Mỹ N trả cho chị Nguyễn Thị M số tiền hội 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng).

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T và chị N chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng anh T và chị N còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật D sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí D sự: Chị Nguyễn Thị M không phải chịu, chị Nguyễn Thị M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 450.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000928 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án D sự huyện Đầm D được nhận lại; anh Trương Thanh T và chị Nguyễn Mỹ N phải chịu 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án D sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án D sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án D sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân D tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân D huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án D sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai